<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<title>Page Title</title>

</head>

<body>

<h1>Đây là một tiêu đề</h1>

<p>Còn đây là một đoạn văn.</p>

</body>

</html>

Trong đoạn mã trên:

* Khai báo <!DOCTYPE html> quy định rằng đây là một tài liệu HTML5
* Phần tử <html> là phần tử gốc của trang HTML
* Phần tử <head> chứa thông tin mô tả về tài liệu hiện tại
* Phần tử <title> chứa tiêu đề của tài liệu
* Phần tử <body> chứa toàn bộ nội dung của trang web (những gì mà chúng ta nhìn thấy được trên trình duyệt)
* Phần tử <h1> định nghĩa một tiêu đề lớn
* Phần tử <p> định nghĩa một đoạn văn.
* Lưu ý: Chỉ có phần nội dung ở bên trong thẻ <body> mới được hiển thị trên trình duyệt.
* Các thẻ <html>, <head>, <title>, <body>  là bắt buộc với tất cả các tài liệu HTML. Ngoài ra chúng ta có thể thêm nhiều thẻ khác để tạo nội dung cho trang web.

**Thuộc tính của thẻ**

Thuộc tính cung cấp các thông tin bổ sung cho các thẻ HTML

* Các thẻ HTML có thể khai báo thêm các thuộc tính
* Các thuộc tính cung cấp thêm các thông tin cần thiết cho thẻ
* Thuộc tính luôn được viết trong thẻ mở
* Thuộc tính đi thành cặp thuộc\_tính/giá\_trị dạng: tên\_thuộc\_tính="giá\_trị"

*Thuộc tính title*

Thuộc tính **title** dùng để định nghĩa tiêu đề của một thành phần HTML. Khi duyệt web, bạn di chuột tới thành phần nào của trang, một *tooltip* sẽ xuất hiện nếu bạn có khai báo thuộc tính **title**, nội dung chính là giá trị khi khai báo.

Bạn hãy thử di chuột lên tiêu đề **"Thuộc tính title"** bên trên.

Ví dụ:

<p title="I'm a tooltip">  
 This is a paragraph.  
</p>

*Thuộc tính href*

Thẻ**<a>** dùng để khai báo một liên kết trên trang web. Muốn khai báo địa chỉ đích của liên kết ta viết thêm thuộc tính **href** cho nó.

Ví dụ:

<a href="https://www.w3schools.com">This is a link</a>

*Thuộc tính về kích thước*

Thuộc tính **width** và **height** dùng để khai báo kích thước của đối tượng, như của hình ảnh chẳng hạn.

* width: chiều rộng
* height: chiều cao

Ví dụ:

<img src="w3schools.jpg" width="104" height="142">

Trong ví dụ trên hình ảnh có độ rộng là 104px và cao là 142px (px:pixel - điểm ảnh, một đơn vị đo phổ biến khi thiết kế web).

*Thuộc tính alt*

Thuộc tính **alt** dùng để khai báo một đoạn văn bản thay thể (alternative) khi vì lí do nào đó, một thành phần của HTML không được hiển thị lên trang web.

Thuộc tính này cũng được đọc bởi các chương trình đọc màn hình (screen reader), dành cho những người khiếm thị (chỉ nghe được).

<img src="w3schools.jpg" alt="W3Schools.com" width="104" height="142">

**Lưu ý:**

*Luôn viết thuộc tính bằng chữ in thường*

* HTML không bắt buộc bạn phải viết tên thuộc tính in thương hay in hoa. Bạn có thể viết width hoặc WIDTH, thậm chí WiDth đều được.
* Tuy nhiên, viết mã HTML bằng chữ in thường là tốt nhất.

*Luôn đặt giá trị của thuộc tính trong cặp dấu nháy*

* HTML5 không bắt buộc bạn phải dùng cặp dấu nháy **" "** để bao đóng giá trị của thuộc tính. Nhưng bạn nên làm như vậy nếu không muốn gặp một số điều phiền phức sau này, ví dụ như giá trị của thuộc tính có chứa dấu cách.
* Ví dụ hợp lệ (nhưng không khuyên dùng):

<a href= https://www.w3schools.com>

           Nhưng ví dụ sau đây sai cú pháp:

<p title= About W3Schools>

*Dùng dấu nháy đơn hay nháy kép?*

* Cả dấu nháy đơn **' '** và dấu nháy kép **" "** đều được chấp nhận khi bạn viết giá trị của thuộc tính.
* Trong một số trường hợp, như muốn có dấu nháy trong thuộc tính, bạn có thể sử dụng các cặp dấu nháy đơn và nháy kép bao nhau.
* Ví dụ:

<p title=' John "ShotGun" Nelson'>

           hoặc

<p title "John 'ShotGun' Nelson">

           đều được chấp nhận.

## **[Bài đọc] Các thẻ tiêu đề h1, h2, h3, h4, h5, h6**

Tiêu đề là những thành phần rất quan trọng trong các tài liệu HTML.

Chúng ta sử dụng các thẻ <h1>, <h2>, <h3>, <h4>, <h5>, <h6> để định nghĩa các tiêu đề.

Thẻ  <h1> định nghĩ tiêu đề quan trọng nhất (nổi bật nhất, lớn nhất), các thẻ khác sẽ lần lượt được sử dụng các tiêu đề ít quan trọng hơn. Thẻ <h6> định nghĩa tiêu đề nhỏ nhất.

Các công cụ tìm kiếm (chẳng hạn như Google, Bing...) sử dụng tiêu đề để đánh chỉ số và nội dung của trang web. Do đó, chúng ta nên sử dụng đúng tiêu đề để giúp cho người dùng dễ tìm thấy trang web của mình hơn.

Ngoài ra, người dùng cũng thường "lướt" qua nội dung trang web khá nhanh, do đó việc sử dụng tiêu đề sẽ giúp chúng ta nhanh chóng thể hiện được ghi được dấu ấn.

#### **Tạo đường kẻ ngang**

Nếu muốn phân tách các nội dung của trang web theo chiều ngang, chúng ta có thể sử dụng thẻ  <hr>. Thẻ này sẽ kẻ một đường nằm ngang tài liệu HTML.

## **[Bài đọc] Thẻ tạo đoạn văn bản: p**

Ta dùng thẻ **<p>**  để định nghĩa một **đoạn văn**.

##### Ví dụ:

**Chú ý:** Các trình duyệt tự động thêm vài khoảng trắng trước và sau một đoạn văn. 

## **Hiển thị HTML**

Bạn không thể chắc chắn về cách mã HTML được hiển thị trên trình duyệt.

Với các kích thước màn hình khác nhau, mã HTML sẽ được hiển thị khác nhau.

Bạn không thể thay đổi cách hiển thị HTML bằng cách thêm các khoảng trắng hay xuống dòng trong mã HTML.

Trình duyệt sẽ bỏ tất cả các dòng và khoảng trắng thừa khi hiển thị trang web:

## **Đừng quên thẻ đóng**

Hầu hết các trình duyệt sẽ hiển thị chính xác mã HTML dù cho bạn quên thẻ đóng:

Ví dụ trên sẽ hiển thị tốt trên hầu hết trình duyệt, nhưng không nên phụ thuộc vào trình duyệt.

**Chú ý:** Không dùng thẻ đóng có thể tạo ra những kết quả không mong muốn hoặc gây ra lỗi.

## **Thẻ xuống dòng**

Thẻ **<br>** định nghĩa **xuống dòng**.

Dùng <br> nếu bạn muốn xuống dòng mà không tạo ra một đoạn văn mới.

 Thẻ <br> là thẻ rỗng, vì vậy nó không cần thẻ đóng. 

## **Hiển thị một bài thơ**

Nếu dùng thẻ <p>, bài thơ sẽ chỉ hiển thị trên một dòng:

## **Dùng thẻ <pre>**

Để hiển thị một bài thơ ta có thể dùng thẻ **<pre>.**

Thẻ <pre> định nghĩa một đoạn văn bản đã được định dạng trước.

Đoạn văn bản bên trong thẻ <pre> </pre> sẽ được hiển thị với font chữ cố định (thường là font Courier) và được giữ lại các khoảng trắng và xuống dòng:

## **[Bài đọc] Thẻ tạo liên kết: a**

Ta có thể thấy **liên kết (link)** ở hầu hết các trang web. Người dùng  nhấp chuột vào các liên kết để di chuyển giữa các trang web.

## **Liên kết - Siêu liên kết**

Liên kết trong mã HTML còn được gọi là siêu liên kết (hyperlink).

Ta có thể  nhấp chuột (click) vào một liên kết để đi đến một trang web khác.

Khi ta di chuyển chuột lên trên một liên kết, con trỏ chuột sẽ biến thành hình bàn tay.

**Chú ý:** Ta thường dùng chữ để hiển thị liên kết.  Nhưng ta cũng có thể dùng ảnh hoặc các thành phần HTML khác để hiển thị liên kết.

## **Cú pháp của liên kết**

Trong mã HTML, liên kết được định nghĩa bằng thẻ **<a>**:

<a href="*url*">*tên liên kết hiển thị ở đây*</a>

Thuộc tính **href**  để chỉ ra địa chỉ trang web(URL) mà liên kết sẽ dẫn đến (http://bob.codegym.vn/lessons/).  
Phần **chữ của liên kết** giữa 2 thẻ <a> </a> là phần người dùng nhìn thấy trên trang web(Codegym's lessons).

Nhấp chuột vào phần **chữ của liên kết** sẽ chuyển ta đến địa chỉ trang web trong thuộc tính **href.**

**Chú ý:** Nếu không có dấu gạch chéo (/) phía sau địa chỉ thư mục con của tên miền (http://bob.codegym.vn/lessons), ta có thể sẽ gửi 2 request đến server. Tuy nhiên nhiều server sẽ tự động thêm dấu gạch chéo vào địa chỉ trang web, sau đó tạo một request mới để xử lý tiếp. Bởi vì http://bob.codegym.vn/lessons và http://bob.codegym.vn/lessons/ là 2 URL khác nhau.

## **Liên kết cục bộ**

Ví dụ trên dùng một địa chỉ URL tuyệt đối (địa chỉ đầy đủ của trang web).

Ta có thể dùng một liên kết cục bộ khi trỏ đến địa chỉ trên trang web của chính mình.

Liên kết cục bộ có thuộc tính **href**là một địa chỉ URL tương đối (không có http://www...).

## **Màu sắc của liên kết**

Mặc định, liên kết sẽ có màu như sau (trên tất cả trình duyệt):

* Liên kết chưa bị click vào sẽ có màu xanh và được gạch chân.
* Liên kết đã bị click sẽ có màu tím và được gạch chân.
* Liên kết đang bị click lên sẽ có màu đỏ và được gạch chân.

Ta có thể thay đổi màu mặc định bằng cách dùng các thuộc tính CSS sau:

## **Thuộc tính target của một liên kết**

Thuộc tính **target** cho trình duyệt biết cách mở ra trang web trong thẻ **href**.

Thuộc tính **target**có thể là một trong các giá trị sau:

* \_blank - Mở liên kết trong một cửa sổ hoặc một tab mới của trình duyệt
* \_self - Mở liên kết trong tab/cửa sổ hiện tại của trình duyệt (Không cần khai báo cũng được vì đây là mặc định của thẻ <a>)
* \_parent - Mở liên kết trong parent frame
* \_top - Mở liên kết trong cửa sổ chính
* framename - Mở liên kết trong một frame có tên là framename (Tìm hiểu thêm về thẻ <frame>)

Ví dụ dưới đây sẽ mở liên kết trong một tab/cửa sổ mới của trình duyệt:

**Tip:** Ta có thể dùng target="\_top" để mở liên kết trong tab mới khi đường dẫn đặt trong một frame (xem lại ví dụ

Codegym's lessons đầu tiên phía trên):

## **Dùng ảnh làm liên kết**

Ảnh thường được dùng làm liên kết:

**Chú ý:** Thuộc tính border:0; để IE9 (và các phiên bản trước đó) không hiển thị một đường viền xung quanh ảnh khi dùng ảnh làm liên kết.

## **Dùng liên kết để tạo một đánh dấu trang(bookmark)**

Bookmark được dùng để người đọc nhảy đến phần khác trên cùng một trang web.

Bookmarks rất hữu ích khi trang web quá dài.

Để tạo một bookmark, ta thêm liên kết vào danh sách đánh dấu trang.

Khi liên kết được click, trang web sẽ cuộn xuống phần đã được đánh dấu.

## **Ví dụ**

Đầu tiên, tạo một bookmark bằng thuộc tính **id** của thẻ:  
<h2 id="C4">Chapter 4</h2>

Sau đó, thêm liên kết cục bộ cho bookmark ở cùng một trang web:

<a href="#C4">Jump to Chapter 4</a>

Hoặc thêm liên kết sang một trang khác:  
<a href="http://bob.codegym.vn/clean-code#C6">Go to Chapter 6</a>

## **Đường dẫn bên ngoài**

Có thể liên kết đến các trang bên ngoài bằng một địa chỉ URL đầy đủ hoặc đường dẫn tương đối so với trang web hiện tại.

Ví dụ dưới dùng một đường dẫn URL đầy đủ để liên kết đến trang web:

Ví dụ dưới liên kết đến trang web trong thư mục user của website hiện tại:  
  
   
Ví dụ dưới liên kết đến trang web trong cùng thư mục với trang web hiện tại:

## **Tóm tắt**

* Dùng thẻ **<a>** để định nghĩa một liên kết
* Dùng thuộc tính **href** để định nghĩa địa chỉ của liên kết
* Dùng thuộc tính **target** để định nghĩa cách trình duyệt mở liên kết
* Dùng thẻ **<img>** bên trong thẻ <a> để tạo liên kết bằng ảnh
* Dùng thuộc tính **id** (id="*bookmark\_1*") để tạo bookmark cho trang web
* Dùng thuộc tính **href** (href="#bookmark\_1") để liên kết đến bookmark có id =  *bookmark\_1*

## **[Bài đọc] Thẻ hiển thị hình ảnh: img**

Có 3 định dạng ảnh thường dùng trên các trang web: JPG, PNG, GIF

### **Ví dụ**

## **Cú pháp**

Trong mã HTML, hình ảnh được định nghĩa bằng thẻ **<img>.**

Thẻ ***<img>*** là thẻ rỗng, chỉ gồm các thuộc tính và không có thẻ đóng.

Thuộc tính **src** để chỉ ra URL (địa chỉ web) của hình ảnh:

<img src="*url*" alt="*some\_text*" style="width:width;height:height;">

## **Thuộc tính *alt***

Thuộc tính **alt**tạo ra một dòng chữ thay thế cho hình ảnh trong trường hợp ảnh không hiển thị được (do mạng chậm, đường dẫn của thuộc tính **src**bị sai, hoặc khi người duyệt web dùng một phần mềm đọc màn hình - screen reader).

Nếu trình duyệt không tìm thấy hình ảnh, nó sẽ hiển thị giá trị của thuộc tính **alt:**

 Ta luôn luôn phải khai báo thuộc tính **alt.**Một trang web không được coi là hợp lệ nếu không có đủ các thuộc tính **alt**của thẻ **<img>**.

### **Đọc thêm:**

## **Phần mềm đọc màn hình(screen readers)**

Một phần mềm đọc màn hình sẽ đọc mã HTML, lọc ra các văn bản và đọc cho người dùng nghe nội dung trang web. Phần mềm đọc màn hình giúp hỗ trợ cho người mù hoặc thị lực yếu hay người khó học.

## **Cỡ ảnh - Chiều rộng và chiều cao**

Ta dùng thuộc tính **style** để chỉ định chiều rộng và chiều cao của ảnh.

Giá trị tính theo pixel (thêm px sau số chỉ chiều rộng/cao):

 Ngoài ra, ta có thể dùng thuộc tính  **width** và **height**. Với hai thuộc tính này, giá trị mặc định là tính theo pixel:  **Chú ý:** Luôn định rõ chiều cao và chiều rộng của hình ảnh. Nếu không trang web sẽ bị rung rinh khi hiển thị hình ảnh.

## **Nên dùng thuộc tính width và height, hay style?**

Cả 3 thuộc tính **width**, **height**, and **style**đều hợp lệ trong HTML5.

Tuy nhiên, ta nên dùng thuộc tính **style** để  tránh việc kích thước ảnh bị các thuộc tính css khác điều khiển:

## **Đường dẫn ảnh**

Trong dự án, ảnh thường được lưu vào một thư mục riêng. ta thường dùng đường dẫn tương đối cho thuộc tính **src**.

Trong đường dẫn ảnh phải ghi đầy đủ tên thư mục vào đường dẫn ảnh:

#### **Ví dụ:**

<img src="/images/html5.gif" alt="HTML5 Icon" style="width:128px;height:128px;">

## **Ảnh động**

Ta có thể hiển thị ảnh động (định dạng GIF) như ảnh thông thường, không cần thay đổi cú pháp.

## **Dùng ảnh làm liên kết**

 Để dùng ảnh làm liên kết, chỉ cần đặt thẻ <img> vào trong thẻ <a>:

**Chú ý:** thêm *border:0;* vào **style** để các phiên bản IE9 và trước đó không hiển thị đường viền quanh hình ảnh dùng làm liên kết.

## **Đặt vị trí cho ảnh**

Dùng thuộc tính CSS **float** để đặt ảnh bên trái hoặc bên phải văn bản:

## **Bản đồ ảnh**

Ta có thể dùng thẻ <map> để định nghĩa một bản-đồ-ảnh(image-map). Một bản đồ ảnh là một hình ảnh có các vùng có thể nhấp chuột vào.

Thuộc tính **usemap**của thẻ *<img>*  tương ứng với thuộc tính **name**của thẻ <map> .

Thẻ <map> có các thẻ <area> để định nghĩa các vùng có thể nhấp chuột trong bản-đồ-ảnh:

## **Tóm tắt**

* Dùng thẻ **<img>** để định nghĩa một hình ảnh
* Dùng thuộc tính **src** để định nghĩa URL của hình ảnh
* Dùng thuộc tính **alt** để định nghĩa dòng chữ thay thế cho ảnh khi ảnh không hiển thị được
* Dùng thuộc tính **width** và **height** để định nghĩa kích thước của ảnh
* Dùng thuộc tính CSS **width** and **height** để chắc chắn định nghĩa kích thước ảnh (không bị các thuộc tính CSS khác ghi đè)
* Dùng thuộc tính CSS **float** để xếp vị trí ảnh
* Dùng thẻ **<map>** để định nghĩa một bản-đồ-ảnh(image-map)
* Dùng thẻ **<area>** để định nghĩa các vùng có thể click bản-đồ-ảnh
* Dùng thuộc tính **usemap**của thẻ <img> để trỏ ảnh đến thẻ <map> tương ứng

**Chú ý:** Việc load ảnh nhanh hay chậm phụ thuộc độ lớn bức ảnh. Ảnh lớn quá sẽ làm chậm tốc độ load trang web. Phải lưu ý khi dùng ảnh cho trang web.

## **[Bài đọc] Sử dụng các thẻ tạo danh sách: ul, ol, li**

Ví dụ về danh sách trong HTML

| **Một danh sách không xếp thứ tự:**  * **Item** * **Item** * **Item** * **Item** | **Một danh sách có xếp thứ tự:**  1. **First item** 2. **Second item** 3. **Third item** 4. **Fourth item** |
| --- | --- |

#### **Một danh sách có xếp thứ tự:**

1. **First item**
2. **Second item**
3. **Third item**
4. **Fourth item**

## **Danh sách không xếp thứ tự**

Ta định nghĩa danh sách không xếp thứ tự bằng thẻ **<ul>**, viết tắt của **u**nordered **l**ist. Mỗi phần tử của danh sách được định nghĩa bằng thẻ  **<li>** , viết tắt của **l**ist**i**tem.

Mặc định, các phần tử của danh sách sẽ được hiển thị kèm theo một dấu tròn phía trước:

#### **Các biểu tượng cho phần tử trong danh sách không xếp thứ tự**

Ta dùng thuộc tính CSS **list-style-type** để định kiểu cho biểu tượng của phần tử trong danh sách:

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Miêu tả** |
| disc | (Mặc định) Các biểu tượng là hình tròn màu đen |
| circle | Các biểu tượng là hình tròn rỗng |
| square | Các biểu tượng là hình vuông |
| none | Không hiển thị các biểu tượng |

Ví dụ dùng giá trị **disc**  
  
 Ví dụ dùng giá trị **circle**   
Ví dụ dùng giá trị **square**  
  
Ví dụ dùng giá trị **none**

## **Danh sách xếp theo thứ tự**

Ta định nghĩa một danh sách xếp theo thứ tự bằng thẻ **<ol>** (**o**rdered **l**ist). Mỗi phần tử của danh sách được định nghĩa bằng thẻ **<li>** (**l**ist **i**tem).

Mặc định thì các phần tử sẽ được hiển thị kèm số thứ tự:

## **Thuộc tính type của danh sách xếp thứ tự**

Thuộc tính **type** của thẻ <ol>  dùng để định kiểu cho biểu tượng các phần tử:

|  |  |
| --- | --- |
| **Type** | **Miêu tả** |
| type="1" | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng số (Mặc định) |
| type="A" | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ cái hoa |
| type="a" | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ cái thường |
| type="I" | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ số La Mã hoa |
| type="i" | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ số La Mã thường |

Đánh thứ tự bằng số: type="1"

Đánh thứ tự bằng chữ cái hoa: type="A"Đánh thứ tự bằng chữ cái thường: type="a"   
  
Đánh thứ tự bằng chữ số La Mã hoa: type="I"Đánh thứ tự bằng chữ số La Mã thường: type="i"

## **Danh sách miêu tả**

Mã HTML cũng có thẻ danh sách miêu tả.

Một danh sách miêu tả là danh sách các thuật ngữ cùng với miêu tả của chúng.

Thẻ **<dl>**định nghĩa một danh sách miêu tả, trong đó, thẻ **<dt>** định nghĩa thuật ngữ (tên gọi), và thẻ  **<dd>** miêu tả các thuật ngữ:

## **Danh sách bên trong danh sách**

Ta có thể lồng danh sách vào một danh sách khác, tạo thành danh sách bên trong danh sách, tiếng Anh gọi là nested list:

<ul>

<li>Coffee</li>

<li>Tea

<ul>

<li>Black tea</li>

<li>Green tea</li>

</ul>

</li>

<li>Milk</li>

</ul>

**Chú ý:** Mỗi phần tử không chỉ có thể chứa danh sách khác mà còn có thể chứa các thành phần HTML khác như ảnh hay liên kết,...

## **Danh sách nằm ngang**

Danh sách trong HTML có thể được định kiểu theo nhiều cách bằng CSS.

Một cách làm phổ biến là định kiểu chuyển danh sách thành nằm ngang để tạo thành một menu:

<ul>

<li><a href="#home">Home</a></li>

<li><a href="#news">News</a></li>

<li><a href="#contact">Contact</a></li>

<li><a href="#about">About</a></li>

</ul>

## **Tóm tắt**

* Dùng thẻ **<ul>** để định nghĩa một danh sách không xếp thứ tự
* Dùng thuộc tính CSS**list-style-type** để định nghĩa biểu tượng cho các phần tử trong danh sách
* Dùng thẻ **<ol>** để định nghĩa một danh sách xếp thứ tự
* Dùng thuộc tính **type** để định nghĩa kiểu đánh thứ tự
* Dùng thẻ **<li>** để định nghĩa một phần tử  trong danh sách
* Dùng thẻ **<dl>** để định nghĩa một danh sách miêu tả
* Dùng thẻ **<dt>** để định nghĩa một thuật ngữ
* Dùng thẻ **<dd>** để miêu tả thuật ngữ ngay phía trên nó trong danh sách miêu tả
* Có thể lồng các danh sách bên trong các danh sách
* Các phần tử trong danh sách có thể chứa các thành phần HTML khác
* Dùng thuộc tính CSS **float:left** hoặc **display:inline**để hiển thị danh sách nằm ngang

## **[Bài đọc] Chú thích trong HTML**

#### **Chú thích**

Trong quá trình soạn thảo mã HTML, đôi lúc bạn sẽ cần:

* Ghi một vài câu chú thích nào đó (những câu chú thích này không hiển thị ra màn hình)
* Hoặc vô hiệu hóa một đoạn mã HTML để kiểm tra sự thực thi của các đoạn mã khác.

Khi đó, chúng ta sẽ đặt những nội dung mà mình muốn chú thích vào bên trong cặp dấu

<!--  nội dung chú thích được viết ở đây -->

Ví dụ:

*<!-- Câu này là chú thích nên KHÔNG được hiển thị -->*

<p>Đoạn này không phải chú thích nên được hiển thị</p>

*<!--<p>Đoạn này là chú thích nên KHÔNG được hiển thị</p>-->*

Các câu chú thích có thể được viết trên nhiều dòng

*<!--<p>Câu này là chú thích nên KHÔNG được hiển thị</p>*

*<p>Câu này là chú thích nên KHÔNG được hiển thị</p>*

*<p>Câu này là chú thích nên KHÔNG được hiển thị</p>-->*

<p>Câu này không phải chú thích nên được hiển thị</p>

**Lưu ý: Phải có dấu chấm than (!) ở thẻ mở.**

#### **Chú thích dựa theo điều kiện**

Chú thích dựa theo điều kiện chỉ làm việc trên trình duyệt Internet Explorer (IE), còn đối với các trình duyệt khác thì chúng sẽ bị bỏ qua.

Chú thích dựa theo điều kiện được hỗ trợ từ phiên bản IE5 trở đi. Bạn có thể sử dụng chúng để đưa ra các hướng dẫn điều kiện cho các phiên bản khác nhau của IE.

Nếu bạn xem ví dụ này bằng trình duyệt IE8 thì trên màn hình sẽ hiển thị dòng chữ "BẠN ĐANG SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT Internet Explorer 8". Còn nếu xem bằng các trình duyệt khác thì sẽ không thấy dòng chữ đó.

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

*<!--[if IE 8]>*

*<p>BẠN ĐANG SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT Internet Explorer 8</p>*

*<![endif]-->*

</body>

</html>

Nếu bạn xem ví dụ này bằng trình duyệt IE phiên bản cũ hơn 9 thì trên màn hình sẽ hiển thị dòng chữ "BẠN ĐANG SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT Internet Explorer phiên bản cũ hơn 9". Còn nếu xem bằng các trình duyệt khác thì sẽ không thấy dòng chữ đó.

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

*<!--[if lt IE 9]>*

*<p>BẠN ĐANG SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT Internet Explorer phiên bản cũ hơn 9</p>*

*<![endif]-->*

</body>

</html>

Trình duyệt IE rất hạn chế trong việc hỗ trợ định dạng trang web (bạn thử xem trang webcoban.vn bằng trình duyệt Chrome và IE sẽ dễ dàng nhận thấy sự yếu kém của IE). Dó đó, chúng ta cần phải sử dụng chú thích điều kiện để nhúng các tập tin định dạng dành cho trình duyệt IE. Nếu người dùng đang xem trang web bằng trình duyệt IE thì những tập tin định dạng này sẽ được thực thi giúp trang web hiển thị trên IE được tốt hơn.

## **[Bài đọc] Sử dụng HTML entity**

Trong HTML, khi chúng ta muốn hiển thị các ký tực đặc biệt (được dành riêng cho mã HTML, chẳng hạn như ">", "<", "&"...) thì chúng ta cần sử dụng entity.

Một entity được bắt đầu bằng dấu "&" và kết thúc bằng dấu ";". Có thể sử dụng entity theo tên hoặc theo mã số.

Chẳng hạn, để hiển thị ký tự "<" thì chúng ta phải viết "&lt;" hoặc "&#60;". Trong đó, "lt" là tên của ký tự "nhỏ hơn", còn "#60" là mã số của nó.

Sau đây là danh sách các entity thường được sử dụng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ký tự muốn hiển thị** | **Mô tả** | **Tên của entity** | **Mã số của entity** |
|  | non-breaking space | &nbsp; | &#160; |
| < | less than | &lt; | &#60; |
| > | greater than | &gt; | &#62; |
| & | ampersand | &amp; | &#38; |
| " | double quotation mark | &quot; | &#34; |
| ' | single quotation mark (apostrophe) | &apos; | &#39; |
| ¢ | cent | &cent; | &#162; |
| £ | pound | &pound; | &#163; |
| ¥ | yen | &yen; | &#165; |
| € | euro | &euro; | &#8364; |
| © | copyright | &copy; | &#169; |
| ® | registered trademark | &reg; | &#174; |